TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/DS-ST.
Ngày 15-6-2021.
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Công Lý.

- Ông Dương Văn Phước.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc *tranh chấp hợp đồng vay tài sản*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXX-DS ngày 10/5/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lâm Ngọc H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp A, thị trấn L, huyện TH, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1989

Chỗ ở hiện nay: ấp X, thị trấn L, huyện TH, Sóc Trăng.

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1961.

ĐKNKTT: ấp A, thị trấn L, huyện TH, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: ấp X, thị trấn L, huyện TH, tỉnh Sóc Trăng.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2020 và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn khai:

Nguyên đơn bà Lâm Ngọc H có cho bà Trần Thị Ngọc B vay tiền nhiều lần và các lần vay bà B đều đã thanh toán xong, tuy nhiên riêng lần vay vào ngày 13/6/2018 âm lịch bà B vay số tiền 80.000.000 đồng, bà B có làm biên nhận, lãi suất vay 3%/tháng là từ khi vay bà B chỉ trả lãi tổng cộng 02 lần, lần một vào ngày 19/4/2019 âm lịch trả 1.000.000 đồng, lần hai vào ngày 02/12/2019 âm lịch trả 500.000 đồng, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà B trả vốn, lãi nhưng đến nay bà B chưa trả.

Bà H khởi kiện yêu cầu bà B có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vốn là 80.000.000 đồng, lãi tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử, mức lãi suất 1,66%/tháng, bà H đồng ý khấu trừ tiền lãi đã trả 1.500.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc B trình bày:

Trước đây bà B có vay của bà H 03 lần với số tiền tổng cộng là 80.000.000 đồng, gồm các lần vay như sau: Năm 2016 vay 40.000.000 đồng, đến khoảng tháng 06 năm 2016 vay tiếp 30.000.000 đồng, sang năm 2017 vay 10.000.000 đồng, không nhớ ngày tháng vay. Từ khi vay bà đã đóng lãi đầy đủ cho bà H, tuy nhiên việc đóng lãi đều không làm giấy tờ. Đến tháng 01 năm 2018 âm lịch bà H đến gặp bà kêu gom 03 lần vay trên ghi thành một năm 2018 để dễ theo dõi, bà H ghi trên cuốn sổ nhỏ và đưa cho bà B giữ, ghi các ngày 13/01/2018 vay 10.000.000 đồng; ngày 24/01/2018 vay 40.000.000 đồng; ngày 28/01/2018 vay 30.000.000 đồng, đến tháng 02 đóng lãi thì bà H ghi tắt là "ĐL 2", các tháng tiếp đến đóng lãi tiếp là ghi "3,4,5,6,7" có nghĩa là đóng lãi tháng 3,4,5,6,7.

Bà B xác nhận giấy biên nhận nợ ghi ngày 13/6/2018 mà bà H khởi kiện là do chính bà B viết, vì bà H kêu viết gom lại thành một biên nhận, thực chất đó là tiền chuyển từ 03 khoản vay cũ như bà đã trình bày ở trên. Lãi suất vay là 3%/tháng, không có thoả thuận thời hạn thanh toán.

Nay bà B đồng ý trả vốn 80.000.000 đồng, còn về lãi không đồng ý trả vì kinh tế khó khăn, không còn khả năng trả nợ.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn.

[2] Xét việc nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn bà B trả số tiền vay vốn 80.000.000 đồng vào ngày 13/6/2018 âm lịch (nhằm ngày 25/7/2018 dương lịch), lãi 1,66%/tháng (lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử), bị đơn bà B cho rằng đó là các khoản vay của năm 2016, 2017 được ghi gộp lại và bà đã đóng lãi từ khi vay cho đến tháng 7/2018. Bà H không thừa nhận đó là khoản vay cũ ghi gộp lại theo bà B trình bày, trước đây bà có cho bà B vay nhiều lần nhưng các lần vay trước đều đã thanh toán xong, còn khoản vay hiện nay bà B chỉ đóng lãi tổng cộng là 1.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy giữa các đương sự có giao dịch vay tiền nhiều lần, bị đơn cho rằng khoản vay hiện nay nguyên đơn khởi kiện là khoản vay ghi gộp của các khoản vay trước, tuy nhiên theo biên nhận nợ do chính bị đơn viết đã ghi "Hôm nay ngày 13/6/2018 AL tôi có vay của Lâm Ngọc H, ấp 1, Phú Lộc số tiền vay là 80.000.000", nay bị đơn cho rằng đó là các khoản vay cũ nhưng nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn không xuất trình được chứng cứ để chứng minh, vì vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của bị đơn. Căn cứ Điều 463, 466 quy định bên vay phải có nghĩa vụ trả đầy đủ vốn, lãi cho bên vay, mức lãi suất vay theo quy định tại khoản 1 Điều 468 là 20%/năm, do vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn vay, trả lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Cụ thể số tiền lãi phải trả, nguyên đơn yêu cầu tiền lãi từ ngày vay 25/7/2018 đến ngày xét xử 15/6/2021, lãi suất 1,66%/tháng, như vậy thời gian tính lãi tổng cộng là 34 tháng 20 ngày, do vậy số tiền lãi tổng cộng là: 46.037.300 đồng, khấu trừ tiền bà B đã trả 1.500.000 đồng, như vậy bà B có nghĩa vụ trả số tiền lãi còn lại là 44.537.300 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 124.537.300 đồng

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn được miễn án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Ngọc B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lâm Ngọc H số tiền 124.537.300 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án không chịu thi hành trả số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì người có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi chậm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự được miễn nộp án phí.

Hoàn trả nguyên đơn bà Lâm Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.826.000 đồng, theo biên lai thu số 0008300 ngày 25/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị.

Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Thị Bích Phượng